`

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 17/2020/HS-ST Ngày 10-7-2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Nguyễn Hồng Diện

- Bà: Nguyễn Thị Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Tiến D, sinh ngày 05/8/1987 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang Đ, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; có vợ là: Lý Thị H, sinh năm 1989; có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/9/2008 bị Công an huyện Bắc Quang xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số: 00956/QĐ/XPVPHC ngày 25/9/2008 bằng hình thức phạt tiền 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng) về* hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 29/9/2008. Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1966. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1975. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Trang N, sinh năm 1984. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Lý Thị H, sinh năm 1989. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Trần Quang Đ, năm 1958. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Hà Thị P, sinh năm 1968. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2018 âm lịch Trần Tiến D chạy xe khách đường dài, khi đến tỉnh Bình Dương, trong lúc nghỉ đón khách D có gặp và làm quen người đàn ông (không rõ địa chỉ) tên là "D1", qua nói chuyện người đàn ông tên là "D1" nói có thể làm được các loại giấy tờ giả của cơ quan Nhà nước nên D xin số điện thoại 0365.182.705 của người đàn ông tên là "D1" để liên lạc. Do làm ăn thua lỗ, Trần Tiến D1 đã nảy sinh ý định làm (giả) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất để vay tiền làm ăn, nên trong khoảng thời gian tháng 02/2019 D liên lạc với người đàn ông tên là "D1" qua điện thoại, ứng dụng Zalo để đặt làm (giả) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thì được "D1" đồng ý. Trần Tiến D và "D1" đã thống nhất thỏa thuận với giá là 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)*, sau đó Trần Tiến D có dùng điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6, sử dụng số 0975.257.057 để chụp hình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CN 659480 mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H1 (bản gốc) rồi gửi hình ảnh qua ứng dụng Zalo cho "D", sau đó Trần Tiến D mua thẻ cào điện thoại với các mệnh giá từ 50.000đ *(Năm mươi nghìn đồng)* đến 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)* rồi cào lấy mã số thẻ nạp gửi cho "D" với tổng số tiền là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*. Đến ngày 10/7/2019 chị Nguyễn Trang N, sinh năm 1984 trú tại thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là nhân viên Bưu điện xã A, huyện Q nhận được bưu phẩm là 01 *(một)* phong bì thư, họ tên người gửi là Nguyễn Duy T, có địa chỉ tại Phòng 501, chung cư T, phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh gửi cho người nhận là Trần Tiến D, số điện thoại 0975.257.057. Vì do không quen biết và không liên lạc được với Trần Tiến D nên N chưa chuyển bưu phẩm cho D, đến ngày 15/7/2019 có anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1975 trú ở thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh G (là trưởng thôn L) đến Bưu điện xã A, huyện Q nên N đã gửi nhờ H1 chuyển bưu phẩm cho Trần Tiến D. Sau khi nhận được bưu phẩm, bên trong là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất mà Trần Tiến D đặt làm (giả) từ trước, D đem cất giấu vào trong tủ nhà ở của D và không cho ai biết, sau đó D tiếp tục mua thẻ cào điện thoại và nạp gửi cho người đàn ông tên "D" với tổng số tiền là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* để chuyển trả đủ số tiền 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)* theo như thỏa thuận từ trước, sau đó người

đàn ông tên "D1" đã không liên lạc với Trần Tiến D nữa. Qua điều tra, xác minh Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang xác định, người đăng ký số điện thoại 0365.182.705 tên là Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh năm 1987 có địa chỉ tại tổ 5, khóm A, phường T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long mà người đàn ông (không rõ địa chỉ) tên là "D1" cho Trần Tiến D để liên lạc.

Đến tháng 9/2019 Trần Tiến D có hỏi vay tiền của ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1966 trú ở thôn A, xã A, huyện Q với số tiền là 90.000.000đ *(Chín mươi triệu đồng)* và được ông T đồng ý với điều kiện Trần Tiến D phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của vợ chồng D cho ông T để làm tin. Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CN 659480 mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H (bản gốc) đang thế chấp tại Công ty TNHH MTV Khánh Vũ 289, có địa chỉ tại tổ 11, thị trấn X, huyện X, tỉnh Hà Giang, nên ngày 30/9/2019 Trần Tiến D đã cầm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CN 659480 mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H (giả) cùng vợ là Lý Thị H và vợ chồng ông Phạm Ngọc T, bà Hà Thị P đến Văn phòng Công chứng T4, có địa chỉ tại tổ 4, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang để làm thủ tục công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong quá trình làm thủ tục công chứng thì nhân viên Văn phòng Công chứng phát hiện (nghi) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả nên đã trình báo Công an huyện Bắc Quang để giải quyết.

Ngày 14/10/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 194, trưng cầu giám định: 01 *(một)* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H, đề ngày 02/10/2018 *(ký hiệu A)*.

Tại bản kết luận giám định số: 345/KL-PC09 ngày 21/10/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu A gửi giám định là giả.

Ngày 30/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ra Quyết định trưng cầu giám định số: 50, trưng cầu giám định: Chữ ký của Nguyễn Văn H1, Nguyễn Trang N và Trần Tiến D, ký hiệu A *(kèm theo mẫu so sánh)* ký hiệu từ M1 đến M6 của Nguyễn Văn H1; Nguyễn Trang N và Trần Tiến D, gửi phòng Kỹ thuật hình sự - PC09 Công an tỉnh Hà Giang để giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 84/KL-PC09 ngày 13/4/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Nguyễn Văn H1, Nguyễn Trang N, Trần Tiến D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M6 khác dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

Về vật chứng của vụ án: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H, đề ngày 02/10/2018 (giả). Hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 19/CT-VKSBQ ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố Trần Tiến D về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản Cáo trạng là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành công dân tốt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Trần Tiến D theo bản Cáo trạng. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 341, Điều 36, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tiến D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của của pháp luật thi hành án hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H, đề ngày 02/10/2018 là tài liệu giả, do Cơ quan điều tra thu giữ. Đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án, cần được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt, nhưng trước đó họ đã có lời khai ở Cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Tiến D tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Kết luận giám định số: 345/KL-PC09 ngày 21/10/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Giang; biên bản thực nghiệm điều tra ngày 02/3/2020; bản ảnh thực nghiệm điều tra; lời khai của người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian tháng 02 năm 2019, Trần Tiến D cư trú tại thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang dùng điện thoại di động để chụp hình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CN 659480 mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H (bản gốc) để làm mẫu rồi gửi hình ảnh qua ứng dụng Zalo cho người đàn ông mang tên "D1" để "D" làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H (giả), sau đó "D1" gửi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H (giả) cho Trần Tiến D. Ngày 30/9/2019, Trần Tiến D mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H (giả) đến Văn phòng Công chứng T4, địa chỉ tại tổ 4, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang để làm thủ tục công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Ngọc T thì bị phát hiện. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[4] **Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định:** *"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm:..."*

[5] Hành vi của bị cáo làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân không tốt: Ngày 25/9/2008 bị Công an huyện Bắc Quang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong ngày 29/9/2008,

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu,thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[9] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trần Tiến D phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo cải tạo không giam giữ tại địa P cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Giao bị cáo cho chính quyền địa P nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Ngoài ra, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập như quy định tại khoản 3 Điều 36 BLHS đối với bị cáo.

[10] Trong vụ án này, đối với người đàn ông (không rõ địa chỉ) tên là "D1" mà bị cáo Trần Tiến D gặp ở tỉnh Bình Dương, có hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H; người đàn ông tên Nguyễn Duy T1, có địa chỉ tại Phòng 501, chung cư T, phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh, người gửi bưu phẩm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H (giả) cho bị cáo Trần Tiến D và người đàn bà tên Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh năm 1987 có địa chỉ tại tổ 5, khóm A, phường T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, là người đứng tên đăng ký số điện thoại 0365.182.705 mà người đàn ông (không rõ địa chỉ) tên là "D1" cho bị cáo Trần Tiến D để liên lạc. Quá trình điều tra, xác minh không xác định được những người có tên và địa chỉ nêu trên, nên cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tách các tài liệu liên quan, khi làm rõ có đủ căn cứ sẽ xử lý trong vụ án khác. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Đối với Lý Thị H (vợ Trần Tiến D) khi cùng D mang 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H (giả) đến văn phòng công chứng để làm thủ tục chuyển nhượng để vay tiền thì H không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó là (giả), quá trình Trần Tiến D thuê làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả H cũng không biết. Quá trình điều tra không chứng minh được Lý thị H biết sự việc hoặc có chung động cơ làm giả giấy tờ để công chứng chứng thực. Do vậy không có căn cứ để đề cập xử lý hình sự đối với Lý Thị H là đúng pháp luật. Do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[12] Về xử lý vật chứng:

[13] Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6, sử dụng số 0975.257.057, bị cáo Trần Trần Tiến D đã sử dụng vào việc chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Quá trình điều tra không thu giữ được, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[14] Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H, đề ngày 02/10/2018 là tài liệu giả, do Cơ quan điều tra thu giữ. Đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án đang lưu giữ trong hồ sơ, cần được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[15] Từ những nhận định trên, xét thấy mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Trần Tiến D là có căn cứ, đúng pháp luật.

[16] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, Điều 36, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Tiến D phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo 01 năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của của pháp luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 659480, mang tên Trần Tiến D và bà Lý Thị H, đề ngày 02/10/2018 là tài liệu giả, do Cơ quan điều tra thu giữ. Đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án đang lưu giữ trong hồ sơ, cần được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Tiến D phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

.“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện BQ;
- UBND xã A;
- Công an huyện BQ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện BQ;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

Hà Tuấn Vĩnh